

Chương 19

Có lần nói chuyện với thằng con lớn, hẳn có phần nản mẹ nó dạo này thay đổi tính nết lạ lùng quá, là một người đàn bà hoàn toàn khác chứ không còn là người vợ đã từng chung sống non nửa thế kỷ. Hẳn nói: "Tại sao mẹ mày lại làm khổ bố thế nhỉ, lại có thể ngờ vực bố có ngoại tình? Lúc trẻ thì tin về già lại không thể tin, chả lẽ bố còn trẻ lắm hả? Là một ông già bảy chục tuổi đầu rồi, sắp ra nghĩa trang năm rồi! Thờ còn không được nói gì chuyện trai gái!" Thằng con cười một cách dễ ghét, như là một chuyện rất vớ vẩn, rất nhỏ nhoi, không đáng để ý mà những người già cứ thích làm cho to chuyện. Nó nói: "Nếu bố hoàn toàn trong trắng việc gì bố phải giận dữ đến thế, nói một điều không có chả lẽ nói mãi nó thành có à?" Hẳn nói gần như rít trong kẽ răng: "Cái số tao cũng là cái số không ra gì, thuở nhỏ thì bị ông nội mày vu tao là thằng ăn cắp, về già lại bị mẹ mày vu là tao có ngoại tình!" Thằng con nhìn hẳn cười nhỏ: "Lại còn không ra gì, như thế nào mới là ra gì?" Hẳn ngồi nghĩ ngợi một lát rồi bảo con: "Có thể cũng là một dạng bệnh tâm thần, bệnh tâm thần phân liệt chẳng hạn, lấy chuyện ảo làm chuyện thật..." Thằng con nói: "Chả có tâm thần gì đâu, một cách trả thù đấy thôi" - "Cái gì trả thù?" - "Bố là người thắng mẹ là người thua, bố được cả, mẹ gần như mất hết" - "Cái gì mất hết..." - "Xưa kia mẹ là người đẹp, lại rất khoẻ mạnh, lại có cơ quan, có bè bạn, có việc làm hàng ngày. Sau mấy chục năm đẻ con nuôi con, bây giờ đã thành một bà già bệnh tật, xấu xí, không có việc để làm, không có bè bạn để trò chuyện, không có gì hết ngoài chồng và con". Hẳn nói vội: "Đấy, đấy, chồng con là tài sản của mẹ mày, chồng con thành đạt tức là mẹ mày đã được nhiều, đâu có thua kém ai..." Thằng con vẫn còn đều đều: "Vẫn thua chứ bố, trong gia đình mình mẹ là người chịu thiệt nhiều nhất, thua đậm nhất". Hẳn nói đã hơi gắt: "Thời xưa các bà vợ, bà mẹ chả đòi hỏi gì hơn là được hy sinh cho chồng con. Chồng con không làm gì nên vẫn chả phần nản một tí nào, vẫn rất thoả mãn vì đã làm tròn mọi bổn phận". Thằng con cười nhỏ: "Sao bố lại ví thời nay với thời xưa, mỗi thời mỗi khác chứ?" Hẳn nói ương bướng: "Có nhiều cái khác nhưng cũng có nhiều cái không khác, như cách ăn ở, cách cư xử trong gia đình của các bà vợ, bà mẹ của Việt Nam". Thằng con vẫn cười: "Người dân hồi xưa chỉ cần cơm no áo ấm là đã rất bằng lòng. Nhưng bây giờ họ còn cần cả tự do và dân chủ nữa. Mấy vụ lộn xộn ở mấy xã của Thanh Hoá ngày nọ của Thái Bình mới đây đâu phải vì dân đói cơm, họ chỉ đói có cái quyền dân chủ của mình mà thôi. Các bà vợ cũng thế, xưa kia có chồng con là người sang trong nước là đủ mãn nguyện, nhưng nay thì không thể đủ, còn tôi nữa chứ, tôi có phải là con đây tớ đâu mà không được tính đến?" Hẳn lắng nghe mặt mũi cau có, nghe thì phải nhưng vẫn có cái gì chưa hẳn là phải, nó ngược lại với thói quen, với cách nghĩ vốn có của hẳn. Hẳn nói lầm bầm: "Người đàn bà là trụ cột của gia đình, là nội tướng, làm gì có chuyện chia ra là tôi, là anh, là chúng nó. Mày cứ bày đặt..." Thằng con lại hỏi, trong câu hỏi đã có ý giễu: "Một thành viên của cộng đồng phải có nghĩa vụ với cộng đồng, nhưng không bao giờ được xem là một với cộng đồng. Cộng đồng có quyền lợi của cộng đồng, cá nhân có quyền lợi của cá nhân. Nếu những người lãnh đạo quốc gia và những ông chủ gia đình lại cố tình quên đi những cái quyền của cá nhân là họ sẽ gặp rắc rối đấy. Như bố chẳng hạn?" Hẳn lại gắt: "Tao là người viết văn, không viết về các số phận cá nhân thì

viết cái gì?" - "Bố viết về người khác thì thế. Nhưng thử viết về chính mình xem sao? Chỉ có một ông chủ rất sáng chói và những thành viên loè nhoè của một gia đình. Và cái gia đình ấy phải có nghĩa vụ phục vụ ông chủ, hoà làm một với ông chủ, vì ông chủ thành danh thì cả mọi người đều có danh. Nhưng con cũng muốn có cái danh riêng của con chứ, mờ nhạt hơn bố cũng được nhưng là của riêng con" - "Chúng mày vẫn nghĩ như thế à?" - "Có một ví dụ rất cụ thể, cái bữa mấy anh quay phim tới đây, họ muốn bọn con phải có mặt cùng với bố, nhưng có đứa nào chịu ngồi cạnh bố đâu, nó trốn hết. Chỉ có con buộc phải có mặt thôi, vì con không thể trốn, và một thằng cháu ngoại nó thích chụp hình quay phim nên nó cũng không trốn... Đừng có nghĩ một nước đã về vang thì muốn đối xử với người dân thế nào cũng được. Cũng như ông bố đã về vang thì có thể bắt vợ con làm tôi làm tớ cho mình cũng vẫn được. Nghĩ thế là nhầm!" Hẳn hỏi thăm dò: "Vậy không phải là mẹ mày ngờ tao có ngoại tình thật, mà là..." Thằng con lại cười: "Mẹ tự xem đã là người bỏ đi rồi, không còn giúp gì được cho chồng cho con nữa, là người ăn bám hoàn toàn nên một cái nhãn mặt, một câu nói gắt, một cử chỉ tỏ ra lạnh nhạt của bố thì mẹ không thể bỏ qua như hồi còn trẻ đâu. Đó là sự hắt hủi, sự ghê sợ của bố đối với một người vợ đã hoá ra xấu xí, đã hoá ra gai mắt chỉ muốn bỏ đi, muốn vứt đi. Nhưng bỏ thế nào được, vứt thế nào được vì mẹ vẫn là vợ của bố, là mẹ của chúng con, vẫn có quyền khuấy đảo cuộc sống của bố cả ngày lẫn đêm khiến bố phải nổi điên nếu mẹ muốn".

Chương 20

Xưa nay hẳn vẫn chủ trương những năm tháng ngắn ngủi của một đời người không nên tiêu phí nó vào những chuyện vô ích, không đâu để có thể dành tất cả cho sáng tác. Hẳn ngắm nhìn nhiều bậc đàn anh trong nghề, tài năng lớn hơn hẳn nhiều, học vấn cũng sâu rộng hơn hẳn nhiều nhưng làm nghề cứ như nhà văn nghiệp dư. Họ sinh ra để làm văn làm thơ nhưng được nửa chừng lại chuyển sang làm anh viên chức nhà nước, ngày ngày xách cặp ngồi xe, tham dự đủ mọi cuộc họp, không họp lớn thì họp nhỏ, không có một lúc nào được ngồi một mình, không có lúc nào được nhàn rỗi để đọc sách, để đi chơi với bạn bè tán lếu tán láo, lúc nào cũng công việc, cũng nghị quyết, cũng báo cáo, một đời người chỉ được tiếp xúc với cuộc sống gián tiếp, cuộc sống đã được nguyên tắc hoá, công thức hoá theo một quan điểm, một cách nhìn nên các nhà văn công chức chỉ có thể viết rất giống nhau, sự khác nhau chỉ còn ở sự già tay hay non tay trong nghề mà thôi. Các nhà văn viên chức ấy thường nói với bạn bè và với chính mình, khi nào rời bỏ được các chức vụ mà vì anh em họ phải gánh vác, họ sẽ bắt tay vào công việc chính của đời mình: ngồi viết. Nhưng cái thói quen làm công chức suốt mấy chục năm đã không buông tha họ, họ không thể không được trình trọng mời phát biểu tại các cuộc họp. Được đi họp, được mời ngồi hàng ghế đầu tại các cuộc họp đã là lẽ sống của họ mất rồi. Họ bầu vùi vào cái hôm nay mà quên mất cái họ có thể để lại cho mai sau.

Nói thế chứ hẳn cũng đã mất vài năm ra Bắc vào Nam để giữ một chức vụ hữu danh vô thực ở Hội Nhà văn. Rút cuộc là hẳn thua, vừa mất thì giờ vừa thân bại danh liệt. Là vì ở xứ ta trong nhiều chục năm (và trong nhiều thế kỷ) chỉ có làm quan mới là người danh giá, được xã hội tôn trọng, bạn bè nể nả, vợ con cũng được vinh vang. Một xã hội mà cả mọi người nếu không là công nhân, viên chức nhà nước thì cũng là xã viên, hội viên của một tổ chức sản xuất hoặc kinh doanh nào đó, không có nghề tự do, không một ai được làm một việc gì hoàn toàn tư nhân cả. Những người buôn bán nhỏ ở các thành thị là những người sống khốn khổ nhất, kiếm sống đã vất vả lại không được khuyến khích, không được tôn trọng, lại bị các ông thuế, ông quản lý thị trường hành hạ vặt. Ngay như những người xưa nay vốn được xem là làm nghề tự do như các nghệ sĩ chẳng hạn cũng phải sinh hoạt trong các hội nghề nghiệp, các đoàn nghệ thuật của các nhà hát, và vẫn phải đi họp, vẫn phải có người lãnh đạo và nhiều người bị lãnh đạo. Và các đại hội của các hội nghề nghiệp ấy vẫn mất rất nhiều thì giờ để bàn cãi, cân nhắc sẽ cử những ai vào cơ quan lãnh đạo. Nên làm quan là con đường duy nhất để tiến thân, là tiêu chuẩn quan trọng nhất để xem xét giá trị một con

người, là những lo âu đến cháy ruột, là sự sung sướng đến phát cuồng của nhiều người vốn đã có danh trước khi có quyền. Vì cái danh trong nghề xem ra chẳng được ai trọng cả. Nhà văn Trần Công Tấn có nói với hăng một chuyện: Năm ông Chế Lan Viên còn sống có lần ông về thành phố họp (vì nhà ông ở mãi cuối quận Tân Bình) nên Tấn rất muốn mời ông anh về cơ quan mình ăn bữa cơm trưa thật đàng hoàng liền nghĩ ra một mẹo, nói với ông Tổng cục trưởng, rằng có nhà thơ Chế Lan Viên, là đại biểu Quốc hội nhiều khoá, hiện đang có mặt... Lập tức ông kia liền ra lệnh cơ quan phải tổ chức tiếp ông đại biểu quốc hội ngay, tiếp thật đàng hoàng. Chứ nếu chỉ nói là nhà thơ thì có khi ông kia sẽ hỏi lại: "Là nhà thơ à, là nhà thơ tại sao ta lại phải tiếp?" Cũng như có một ông cán bộ cũng vào cấp lãnh đạo kha khá bảo một trợ lý nhân nghe nói về Nguyễn Du: "Nếu có gặp ông ấy nhớ mời lại cơ quan mình chơi, nói là mình mời". Chẳng cứ nhiều nhà lãnh đạo coi thường những văn nghệ sĩ chẳng có chức tước gì, chỉ là nghệ sĩ thôi, mà ngay cả đám doanh nhân trẻ mới đây cũng cậy có tiền coi các nghệ sĩ như một món nhắm của họ lúc tiệc tùng. Một bữa có một doanh nhân trẻ và đám bạn của y mời ông Chế và hăng tới dùng cơm tối tại một nhà hàng sang trọng ở quận 5, có xe đưa rước hăng hoi. Hai anh em đã nửa năm mới được gặp nhau, mừng quá, cứ dính vào nhau nói đủ thứ chuyện, nói cả nửa giờ, cuối cùng cái đứa bỏ tiền phải nói một cách chả lịch sự chút nào: "Chúng em mời cơm hai bác để các bác nói chuyện với chúng em, chứ đâu phải để các bác nói chuyện với nhau". Cả hai đều ngượng, ông Chế nhìn hăng cười cười: "Ờ nhỉ, bọn mình vô ý quá, các anh muốn nghe chuyện gì nào?" Năm hăng còn ở quân đội, quân hàm đại tá nhưng chẳng có chức vụ gì, chỉ là anh phóng viên viết báo thôi, lại được giới thiệu trong danh sách các ứng cử viên đại biểu quốc hội của thành phố, khiến cả mọi người ở số 8 Nguyễn Bình Khiêm (cơ quan đại diện của Tổng cục Chính trị ở phía Nam) rất ngạc nhiên. Họ nhìn hăng một cách giễu cợt, một anh chân trắng lại được bầu là đại biểu quốc hội, có nhằm không đấy? Hăng là một cái tên trong vài tên trong một danh sách bầu để người đi bầu gạch ấy mà, chứ nước non gì! Mà hoá ra hăng lại trúng cử với số phiếu rất cao! Hăng cũng ngạc nhiên, bà con Củ Chi, Hóc Môn thì biết gì về hăng mà dám bỏ phiếu cho hăng. Về sau mới vỡ lẽ, họ nhầm hăng với phó thủ tướng Phan Văn Khải, người ra ứng cử ở đất Củ Chi (quê hương của ông) chỉ có thể là ông Sáu Khải, chứ làm gì có một anh chàng Nguyễn Khải, chẳng có chức tước gì kèm theo, nào khác. Lần đầu tiên hăng được mời đi họp Đoàn đại biểu Quốc hội của thành phố tại ngôi nhà tiếp dân của các nghị sĩ lại đi xe đạp nên ông thường trực vội ngăn hăng và bảo: "Bữa nay các vị đại biểu quốc hội đang họp, xin mời bác lại khi khác". Thì ra hăng có một bản mặt rất là dân, không trộn lẫn với quan được. Do đó hăng vẫn thềm được làm quan, dầu là một chức quan nhỏ hăng cũng không muốn bỏ lỡ, nên khi cấp trên gọi hăng ra Hà Nội để chuẩn bị sau Đại hội Nhà văn sẽ làm người lãnh đạo Hội là hăng lao

ra liền, dẫu hẳn chưa làm cái nghề quản lý bao giờ, lại có tính lười và thiếu quyết đoán. Nhưng cấp trên tính không bằng hội viên tính, đại hội phải bầu lần thứ hai cho đủ số uỷ viên Ban chấp hành hẳn mới trúng cử, mà cũng chỉ trúng với số phiếu thấp, quá bán một tí thì phải. Thế là hẳn đành phải chấp nhận cái ghế ngồi ghé, nói leo, tất nhiên cũng có bề bàng một chút, nghĩ rằng "hạ sơn" để làm vương làm tướng gì, hoá ra... Như một đèn bù, về hoạn lộ thì hẳn thất bại nhưng về nghề nghiệp hẳn lại viết được một cuốn sách rất khá, theo dư luận. Đó là cuốn tiểu thuyết: Một cõi nhân gian bé tí, chỉ viết về những người thất bại. Thất bại ở chính trường, thất bại ở tuổi già, thất bại vì sự cô đơn lúc cuối đời, thất bại không do mình gây ra mà do những ràng buộc vợ vẫn từ một quá khứ. Nỗi buồn của họ, tiếng kêu ai oán của họ như từ thăm sâu của những kiếp người vọng lên nên nó có một vẻ đẹp riêng, nó gần gũi với con người, nó thuộc về những thăng trầm của một đời người, là những rủi ro một khi đã va phải nó rất khó rũ bỏ. Nó trở thành những hình tượng nghệ thuật để cái cõi nhân gian bé tí nhìn vào đó mà ngẫm nghĩ và được an ủi. Trong mọi thất bại của con người ta chỉ có cái thất bại về hoạn lộ là không nên biết và cũng không nên viết vì nó nhớ bản và buồn cười. Khi ông Khơrútsốp, một nhân vật lừng lẫy tiếng tăm một thời, bị tước mọi quyền lực, bị buộc phải nghỉ hưu, có một phóng viên nước ngoài hỏi đứa cháu ngoại: "Lúc này ông cháu ở nhà làm gì?" Đứa bé trả lời rất hồn nhiên: "Ông cháu chỉ ngồi khóc thôi". Ở nước ta cũng có vị phải ra khỏi trung ương sau nhiều khoá ở trung ương cũng đã bật khóc, nghe nói nước mắt ngấn dài suốt mấy năm, nhà như có tang suốt mấy năm. Con người đã nhỏ lại rất nhiều bởi tiếng khóc ai oán của họ và của vợ con họ.

Chương 21

Nhà thơ lớn của dân tộc Ôn Như Hầu Nguyễn Gia Thiều cũng là một ông tổ của hần nhưng khác chi. Chi cụ Thiều thuộc ông tổ Sáng quốc công Nguyễn Văn Lỗ, là con thứ năm của Hoảng quốc công Nguyễn Công Chuẩn được xếp vào hàng công thần Bình ngô khai quốc, được ban quốc tính Lê. Còn chi của hần thuộc ông tổ Châu quận công Nguyễn Như Hiếu là con thứ ba của cụ Chuẩn. Trong số con cháu của cụ Lỗ có Thọ Dương Hầu Nguyễn Hựu là tướng của Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm, đi đánh quân nhà Mạc ở vùng Gia Lương rồi lấy vợ ở làng Liễu Ngạn, tổng Liễu Lâm, phủ Siêu Loại, thuộc trấn Kinh Bắc. Qua mấy đời nữa mới đến đời cụ Nguyễn Gia Ngô (có sách viết Nguyễn Gia Cư) tước Đạt Vũ Hầu lấy con gái Trịnh Cương, sinh ra cụ Nguyễn Gia Thiều. Cụ Thiều là cháu ngoại của Chúa, được ở trung phủ Chúa từ nhỏ, thuộc dòng dõi cành vàng lá ngọc, có tài cả văn lẫn võ, lại am hiểu cả nhạc và hoạ mà không được Chúa trọng như các cháu bên nội. Ông là người vừa hám công danh lại cũng ham chơi, có máu văn nghệ mà. Nhưng nhà cầm quyền cần người trung thành, tận tụy, sai đâu làm đấy, không cần bằng cấp gì, văn chương gì như đám kiêu binh lấy từ trong Thanh ra chả hạn. Nên Trịnh Sâm xem ông như một vật trang trí trong phủ Chúa, chỉ dùng vào những việc vui, văn thơ, đàn hát và trông nom việc trang trí trong nội phủ. Ông là cháu gọi Trịnh Doanh là cậu, là anh em con cô con cậu với Trịnh Sâm mà không có vai vế gì ở lục phiên cả, lại là người có tài ăn nói, chắc cũng hay ngứa miệng nói năng ngông nghênh gì đó, thiếu gì chuyện để nói ở cái thời Trịnh Sâm, Đặng Thị Huệ và ông em đa dâm, hiếu sát của bà ta. Nên nhà Chúa mất lòng, tỏ ra lạnh nhạt với ông, và không mời ông tham dự những buổi yến tiệc trong cung vua phủ Chúa, về sau cũng không được tự do ra vào nơi cung cấm nữa. Tới năm 1782, sau nhiều năm lận lộn trong bể hoạn ông mới được thăng chức Tổng binh Đồng tri, Đồng tri là cùng xem xét, tức chỉ là ông phó tổng binh thôi, rồi đưa đi dẹp loạn ở miền thượng du thuộc Hưng Hoá, giáp mặt với quân biên viễn nhà Thanh. Cái chức Lưu thủ Hưng Hoá không phải là thăng mà là giáng, là bị biếm, là đi đày, vì đã có câu, quan ngoài nhất phẩm không bằng quan trong nhị tam phẩm. Còn cái tước hầu của ông ngày ấy cũng chả phải sang trọng gì. Đến một anh Tâu bốc thuốc cho Trịnh Cán còn được phong hầu nữa là. Nhưng ông đâu có chịu ở liền trên đó mà hay bỏ nhiệm sở về chơi bời ở Tây Hồ sớm tối cùng nhóm bạn rượu, bạn thơ lúc bàn về thời thế, lúc bàn về nhân tình thành nhóm "tứ linh tửu hữu" được người kinh kỳ tặng hai câu thơ:

Quần cư Nam Việt ốc Tây Hồ

Thi tử ngang tàng hảo trượng phu.

Đã là hảo tướng phu thì không thể làm hảo gia nhận được. Ân sủng của nhà Chúa với ông chấm dứt từ đây, đã làm nhà thơ thì không thể làm đầy tớ, muốn làm đầy tớ thì không nên mơ mộng đến văn thơ. Xưa nay người của phú quý không thể là người của đạo lý, vừa muốn làm quan to lại muốn làm cả thi hào, tham thế! Nên ông mới mượn lời của cung nữ đã từng được vua yêu chúa dấu bỗng chốc bị bỏ quên mà than thở nhớ tiếc cái thời vàng son ấy:

Ngày sáu khắc tin mong, nhận vắng
Đêm năm canh tiếng lắng, chuông rền
Lạnh lòng thay giấc cô miên

Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u!

Tiếng kêu bi thương của cô cung nữ - Nguyễn Gia Thiều rền rĩ suốt 356 câu thơ, chả có câu nào muốn dứt hẳn cái quá khứ nhớ nhớp của kẻ tội đòi, kẻ giúp vui để trở về với cuộc đời tự do như bản tính của một nhà thơ đòi hỏi. Nên vẫn còn: Đè chừng nghĩ tiếng tiểu đòi - Nghiêng bình phẫn mốc mà đòi má deo. Trong phá viết ông là người không thích vinh hoa phú quý, tự xưng là Hi Tôn Tử và Như ý Thiên, lấy thi tửu cầm kỳ, nghiên cứu Phật học, Lão học làm vui. Nhưng đọc thơ của ông hẳn chẳng tin một tí nào về sự đánh giá ấy. Một người đã vào cõi ung dung tự tại, không nhuộm chút bụi trần nào thì làm sao viết nổi những câu thơ da diết những nhớ thương, những luyến tiếc những ngày vui đã qua:

Đêm hồng thúy thơm tho mùi xạ
Bóng bội hoàn nhấp nhá trăng thanh
Mây mưa mấy giọt chung tình
Đình trầm hương khoá một cành mẫu đơn.

Trong thơ có mùi của quyền quý, có cả mùi của da thịt, một người lòng đã dừng đứng trước mọi cám dỗ thì cảm thế nào được những tình ấy, dùng thế nào được những chữ ấy. Và cả những câu oán hờn như nghiêng rãng mà viết, như đã chất chứa bao nhiêu thống khổ, bao nhiêu căm tức mà viết:

Gót danh lợi bùn pha sắc xám
Mặt phong trần nắng râm mùi dâu
Nghĩ thân phù thế mà đau
Bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê.

Tiếng thở dài của cô cung nữ - nhà thơ mới tội nghiệp làm sao, mới tầm thường làm sao!

Mời phú quý như làng xa mã
Bả vinh hoa lừa gã công khanh
Giấc Nam kha khéo bất bình
Bờng con mắt dậy thấy mình tay không.

Đọc thơ của Ôn Như Hầu hẳn cứ lấy làm lạ tại sao ông có thể nhập vào da thịt, vào tận chỗ sâu thẳm trong tâm hồn cô cung nữ bị đấng quân vương ruồng bỏ tài

tình đến vậy, như ông viết về thân phận của chính ông, nói thế cũng chưa đủ, như chính ông đã từng là đàn bà, đã từng là cung nữ. Ngay cả lối cấu trúc câu thơ cũng khác nhiều với Kiều, với Chinh phụ ngâm trật tự các từ ngữ cứ xáo trộn cả lên khiến người đọc phải ngạt thở, phải quặn gan quặn ruột: "Mùi tục lụy lưỡi tê tâm khố - Đường thế đồ gót rỗ kỳ khu" - "Cuộc thành bại hầu căn mái tóc - Lốp cùng thông như đúc buồng gan". Đã từng là đàn bà ư? Đã từng là cung nữ ư? Lại có thể thế được sao? Lạ nhỉ! Khó hiểu nhỉ! Phải tới năm hăm đã ngoài bốn mươi tuổi tình cờ được nghe một chuyện cũng hơi bất ngờ đối với hăn, dần dần hăn mới vỡ lẽ...

Cách đây đã ba chục năm, một lần về công tác tại tỉnh N. hăn vừa bước vào văn phòng tỉnh uỷ thì gặp ngay anh M. là thường vụ tỉnh uỷ phụ trách tuyên huấn, anh liền kéo hăn ra ngoài hành lang, nói nhỏ: "Này, mình dặn cậu, nếu ông Đ. (bí thư tỉnh uỷ) có hỏi cậu về cái vườn hoa mới làm lại của tỉnh uỷ thì cứ khen là rất đẹp nhá, đừng có sáng kiến này nọ mà khổ bọn văn phòng". Thì ra có một ông nhà báo khi được bí thư tỉnh uỷ hỏi đã nói: "Nếu có thêm vài khối đá đặt rải rác chỗ này chỗ kia thì sinh động hơn". Thế là ngày hôm sau văn phòng phải lấy một cái xe tải lên tận một huyện giáp núi khuân đá về đặt vào vườn hoa theo lệnh của người lãnh đạo cao nhất tỉnh. Anh M. lại kể có lần Ban thường vụ tỉnh uỷ ra một quyết định, cũng đã bàn bạc với ông già, ông già cũng đã đồng ý rồi, đột nhiên lại bảo nên hoãn, chưa nên làm. Thường vụ hỏi lại nếu không làm thì sẽ trả lời với Ban chấp hành ra sao thì ông nín thinh rồi bỏ hộc vùng vắng xách cặp về. Thường vụ liền cử anh M. đến tận nhà bí thư lấy tình chú cháu mà thuyết phục (ông Đ. là bạn tù với ông già của anh M.). Ông bí thư buông màn nằm quay mặt vào tường, M. phải gọi mấy lần ông vẫn không lên tiếng. Ông già lão thành cách mạng về già trở lại tính trẻ, hay hờn hay dỗi như đàn bà. M. phải tụt dép vén màn, ngồi vào trong giường lay vai bí thư nói như nói với một giá đồng cô: "Cháu đây mà, chú quay lại nói chuyện với cháu đi nào..." Ông nói gắt: "Chúng mày đã quyết định thì cứ thế mà làm, hỏi han gì, tao cũng sắp được nghỉ ngơi rồi". Dỗ dành cả giờ mà cũng phải biết cách dỗi, giọng ông già mới dịu lại nhưng vẫn còn một chút hờn: "Được rồi, cứ thế mà làm, làm không xong đừng có đem tôi ra làm cái bung xung nhá!".

Thì ra một người được quyền lực nuông chiều quá lâu dễ biến tính thành đàn bà, thành thái hậu để được tận hưởng những cái ve vuốt làm mê muội con người của quyền lực, lúc vui lúc giận, lúc ban ơn, lúc trách phạt theo cái yêu cái ghét tức thời, lúc bảo nên làm, lúc lại bảo không nên làm, chỉ phút trước phút sau ngay những người cộng tác kề cận cũng không thể nhận ra những dấu hiệu khác thường để biết trước. Nguyễn Gia Thiều cũng thế, ông đã được đăng quân vương - quyền lực chọn làm cung nữ, làm ái phi từ thuở mới lọt lòng, thuộc dòng máu tôn quý nhà Chúa, lớn lên là chàng thanh niên văn võ song toàn, bước đường

công danh như đã mở sẵn từ mọi hướng, bước đến là tới, với tay là có. Ấy là lúc cô cung nữ - Nguyễn Gia Thiều, người đàn bà trong Nguyễn Gia Thiều được phôi bày mọi vẻ yêu kiều trước cái nhìn tán thưởng của nhà Chúa, như ông đã viết: "Thôi cười nọ lại nhả mào liễu - Gheo hoa kia lại dúi gót sen - Thân này uốn éo vì duyên - Cũng cam một tiếng thuyền quyên với đời..." Nhưng đấng quân vương - quyền lực cũng là người hay chóng chán: Chơi hoa cho rữa nhị tàn lại thôi. Ông ta rất thích thay người, thay là thay, rất tàn nhẫn rất lạnh lùng: "Giết nhau chẳng cái lưu cầu - Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa" - "Tiếng thúy điện cười già hoá gắt - Mùi quyên môn thăm rất nên phai". Đó là cái giá phải trả của những người trót được đấng tối cao quyền lực yêu và để lọt vào mắt xanh. Đã cảm đến thế, đã oán đến thế, nghĩ rằng người bị đuổi phải tìm lượm cái mùi phú quý cho đến chết, nào ngờ vẫn thèm lắm, vẫn tiếc lắm, đã phấn mốt má deo mà không hết hy vọng:

Phòng khi động đến Cửu trùng

Giữ sao cho được má hồng như xưa

Hai câu thơ kết thúc của khúc ngâm rằng hay thì hay thật là hay... về phương diện văn chương là cái nghề của hãn, hãn phải nhận là tuyệt hay vì nó quá thật. Nhưng nhìn lại con người thì hãn hơi xấu hổ vì hai câu thơ ấy như được buột viết ra trong lúc thảng thốt, không kịp che giấu những cái tầm thường, yếu đuối của một kiếp người. Bao nhiêu lời dạy hàm súc của các triết nhân, bao nhiêu chiêm nghiệm đau đớn của một đời người vẫn không ngăn được sức sống mãnh liệt của thói quen: Lắng nghe tiếng lăn bánh của cỗ xe phú quý, tiếng gọi của đấng quân vương - quyền lực đêm đêm mỗi lần chợt tỉnh giấc...

Chương 22

Cuối cùng thì hẳn cũng nhận ra hẳn là ai rồi. Hẳn đã trở thành đàn bà, thành thái hậu từ lâu rồi, tuy hẳn chả có một tí quyền hành nào ngoài xã hội nhưng vẫn là một quyền uy tối thượng trong gia đình. Hẳn đã trở thành cung nữ của đấng quân vương quyền lực với những vui buồn thất thường, những thưởng phạt tùy thích, cả những lời nói thiếu cân nhắc, gặp gì nói nấy với vợ với con và càng ngày hẳn càng thích xét nét những việc nhỏ nhặt, cay nghiệt trong cách xử sự, và muốn mỗi lời nói của mình phải là một mệnh lệnh không cho phép ai cãi lại hoặc dám làm ngược lại. Thoạt đầu hẳn nghĩ những biến tính đó là một biểu hiện của tuổi già. Nhưng khi tiếp xúc với bạn bè, với Hội nghề nghiệp, với quân đội là quê cũ của hẳn thì càng già hẳn càng biết cách nhường nhịn, biết ngưỡng mộ những ý định đẹp, những hành động đẹp, biết làm lành với những người vốn ghét mình, biết nhận lỗi và sửa lỗi, biết nghe một cách thân nhiên mọi lời chế giễu hoặc đúng hoặc sai, không giận đã đành mà cũng không thấy cần thiết phải nói lại, cứ như một tu sĩ sắp bước vào cõi "ngộ". Là vì ở ngoài đời hẳn vốn lạ với quyền lực, cũng thích nhưng là thích gọi là, không mê, dễ thì nhảy vào chơi, rắc rối quá là nhảy ra liền, cũng có nhớ, có tiếc nhưng cái tính lười cố hữu đã lấp kín ngay lập tức cái khoảng nhớ theo thói quen ấy. Cũng có một lần hẳn đã được quyền lực để mắt và cho gọi hầu nhưng hẳn đã già mất rồi. Già rồi còn được gọi ra nhận chức phó tổng thư ký Hội Nhà văn, do có chân lãnh đạo một đoàn thể mà được mời ứng cử đại biểu Quốc hội và lại trúng cử Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất nước nhưng hẳn không có ý định làm một đại biểu nhân dân chân chính mà chỉ muốn được tiếp tục làm nghề, lấy Quốc hội là một thực tế mới lạ để hẳn tìm hiểu và quan sát. Đi họp vài lần hẳn mới nhận ra các đại biểu ôm cặp đi họp gánh trên vai họ nhiều trách nhiệm lắm, vì dân hai phần ba, còn một phần ba là vì họ. Vì Quốc hội còn là nơi giao dịch, thương lượng, quyết định nhiều việc mà theo hệ thống các tổ chức nó buộc phải thông qua có khi phải kéo dài cả năm, cả mấy năm. Ở Quốc hội mỗi đại biểu có quyền gặp các Bộ trưởng, các Tổng Cục trưởng, thậm chí gặp cả Thủ tướng tương đối dễ dàng, dễ dàng làm quen, dễ dàng nói chuyện, dễ dàng thỉnh cầu vì họ đều là những đại biểu của nhân dân cả. Có một nữ đại biểu giám đốc một xí nghiệp lớn, khoe với hẳn trong một buổi sáng cô đã xin được năm chữ ký tắt của các nhân vật hết sức khó gặp. Hàng ghế của thành phố Hồ Chí Minh là hàng ghế thứ hai và thứ ba sau hàng ghế đầu của các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước, hẳn lại được ngồi ở hàng ghế thứ hai vì hẳn là người làm công tác quản lý một đoàn thể. Ngồi ở vị trí đó hẳn được tự do quan sát các vị lãnh đạo khi ngồi họp, chả để làm gì cả, chỉ để quan

sát thôi. Hẳn vốn thích quan sát các nhân vật nổi tiếng trong mọi sinh hoạt bình thường của họ mà. Còn việc thứ hai thì hoàn toàn bất ngờ, hẳn trở thành nhân viên chuyên thư của các hàng ghế sau tới tận tay từng vị lãnh đạo ngồi ở hàng ghế trên cùng. Thư của ai hẳn không thể biết, chỉ biết người ngồi ở hàng ghế sau bấu vào vai hẳn, một lá thư đưa qua vai và một lời dặn nhỏ: "Họ bảo nhờ ông đưa tận tay cụ X.", rồi cụ Y, rồi cụ Z, đưa nhiều lần quá đến nỗi đã có vị quay lại hỏi đùa: "Này, cậu nhận thêm cái việc này hồi nào vậy?" Nếu các vị ấy lại sinh ngờ hẳn đã nhận tiền những người nhờ vả thì hẳn biết nói sao? Kỳ họp thứ hai của khóa 8, họp cuối năm, hẳn có làm quen với một bí thư huyện uỷ tên là K, do sự giới thiệu của một người bạn khác. Ông bí thư này cũng đã từng là quân nhân thời đánh Mỹ, về nhà đi buôn mấy năm rồi mới ra làm việc lại, tuổi ngoài bốn chục, là người nhìn xa trông rộng, cách nghĩ, cách nói rành mạch, quyết liệt, không từ nan bất cứ một việc gì có lợi cho địa phương mình. Ngay trong lần gặp làm quen, anh ta đã hỏi hẳn về ông chủ tịch thành phố cũng là trưởng đoàn đại biểu Quốc hội và có ý muốn mời ông chủ tịch một thành phố lớn nhất nước, đông dân nhất nước tới thăm huyện của anh ta vừa để thắt chặt tình đoàn kết Bắc Nam vừa tìm đối tác làm ăn cho huyện nhà. Rồi anh ta cười: "Huyện của tôi cũng là một huyện biết hoà nhập nhanh vào nền kinh tế thị trường bằng các hàng hoá nông nghiệp của mình". Trước khi chia tay ông bí thư huyện còn nhắc lại lời mời, thành tâm lắm, tha thiết lắm. Hẳn cũng tình thực nói lại với trưởng đoàn, trưởng đoàn xem lại lịch làm việc những ngày nghỉ họp, nói: "Có lẽ phải đợi kỳ họp sau vậy, những ngày nghỉ tới không có buổi nào rảnh". Hẳn nói lại với ông bí thư huyện uỷ quá nhiệt tình với miền Nam, và nhắc lại lời cảm ơn cùng lời hẹn sẽ tới thăm huyện của anh vào kỳ họp sau của ông chủ tịch thành phố. Anh ta liền nhìn hẳn bằng cặp mắt trống rỗng rồi hạ một câu khiến hẳn phải sững sờ: "Tôi muốn mời ông ấy đến huyện vào dịp này là muốn nhờ ông giúp tôi đưa mấy vạn mét pháo vào thành phố nhân dịp Tết. Chứ sang năm mới đến chơi thì còn chuyện gì để nói!" Hẳn đứng chết sững một lúc vì hãi quá, sau đó lại mừng quá. Vì nếu ông chủ tịch lại tin lời hẳn tới thăm huyện của K., rồi tiệc tùng, rồi quà cáp, rồi diễn văn và đáp từ về tình anh em ruột thịt giữa hai miền, người lớn hỗ trợ cho kẻ bé, anh lớn hỗ trợ cho em nhỏ, cuối cùng xin ông anh giúp thẳng em đưa vài vạn mét pháo phi pháp vào thành phố nhân dịp Tết thì ông anh biết nói sao? Dứt khoát là ông anh sẽ từ chối thẳng thừng, chả nể nang gì một thằng bí thư huyện uỷ mới quen biết đã giở trò láu cá. Sau đó ông sẽ tự hỏi cái thằng nhà văn có vẻ ngốc nghếch kia đã nhận của thằng bí thư huyện uỷ bao nhiêu tiền nếu vụ làm ăn này trót lọt? Nhà văn kiêm cò pháo, hay nhĩ, đẹp mặt nhĩ, có thanh minh cả một khoá quốc hội cũng chả ai chịu hiểu cho! Thế là hẳn liền có ngay một phương châm sống sau hai kỳ họp Quốc hội: "Sống là phải cảnh giác, chớ vội tin vào những lời nói quá đẹp mà chết có ngày". Làm đại biểu Quốc hội thì

nên đề phòng, chớ có vội tin nhưng là nhà văn thì cứ phải tin, phải yêu, phải hy vọng vào tất cả những ai mà hẳn có dịp tiếp xúc, dầu vẫn biết rành rành những thói xấu của họ, những cái tầm thường của họ. Đã là con người, lại là người đang sống ở một thời mọi cơ chế bao cấp dần dần bị dỡ bỏ để chuyển đổi tất cả thành hàng hoá, tất cả đều có thể mua và bán một cách tự do dầu có nhiệm phải thói xấu của nền kinh tế thị trường cũng là chuyện tất nhiên, chuyện bình thường. Nên hẳn vẫn viết về cuộc đời của K, trong một truyện vừa Người làng pháo lý thú. Vì K là một mẫu người rất tiêu biểu cho cái thời bây giờ, sỗ sàng, lì lợm, quyết liệt, tháo vát, biết cách tổ chức mọi thứ đang có trong tay thành hàng, thành tiền hết sức thần diệu. Có nghĩa là những người tốt của thời nay, những người có thể làm giàu cho huyện mình, cho tỉnh mình, nhìn cho kỹ cũng có lắm trò ma quỷ, có tính Tuy Kiên lắm. Muốn giữ cho họ khỏi sa vào tội lỗi thì pháp luật phải chặt chẽ, thi hành pháp luật phải nghiêm minh, cơ chế quản lý xã hội phải khoa học, hiện đại, báo chí phải được tự do phát hiện và tố cáo mọi hành vi lừa đảo, tham nhũng, phải dùng những công cụ của thời bây giờ để quản lý những người của thời bây giờ.

Trong suốt một nhiệm kỳ Quốc hội khoá 8 hẳn chỉ phát biểu có một lần về những điều bổ sung cho Luật Báo chí. Hẳn đề nghị Quốc hội xem xét cho ra báo tư nhân và nhà xuất bản tư nhân để đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản của một xã hội văn minh. Hẳn vừa ngồi xuống thì bà T. cũng là đại biểu của thành phố Hồ Chí Minh, nguyên là một nữ luật sư danh tiếng của Sài Gòn trước đây, một thượng nghị sĩ trong phe đối lập với chính quyền Thiệu, đứng lên phản đối liền. Bà nói, đại ý, rằng hẳn chưa từng sống trong xã hội tư bản nên mới ngộ nhận là ở đó có tự do báo chí! Không có đâu! Danh nghĩa là báo của tư nhân nhưng nguồn tài trợ thường xuyên để nuôi sống nó luôn luôn là của các tổ chức chính trị, tôn giáo, nghề nghiệp đầy quyền lực. Họ mới là những ông chủ đích thực của tờ báo, quyết định xu hướng chính trị của nó, còn các nhà báo chỉ là những người làm công ăn lương mà thôi. Theo bà, hãy tổ chức những tờ báo hiện có của các đoàn thể thành những cơ quan ngôn luận thật sự có uy tín, có đông đảo bạn đọc cũng đã tốt lắm rồi. Bà vừa dứt lời tiếng vỗ tay đã vỡ ra vang dội và kéo dài khắp hội trường. Bà là một trí thức yêu nước, đi học và hành nghề ở nhiều nước tư bản từ nhỏ tới già nhưng lại có lập trường của một người cộng sản. Còn hẳn là đảng viên cộng sản chính gốc lại hòa theo những đòi hỏi của nhiều người được xem là rất đáng ngờ về quyền được ra báo và mở nhà xuất bản tư nhân. Ông chủ quyền lực bắt đầu ghét hẳn từ ngày ấy, đã muốn đuổi hẳn ra khỏi cơ quan quyền lực từ ngày ấy. Rồi hẳn lại ngủ gật nữa. Trong những phiên họp tranh cãi sôi nổi về một từ, một câu trong những điều luật bổ sung của Bộ luật Hình sự, thì hẳn ngủ gục, đầu vẫn ngay, lưng vẫn thẳng nhưng đầu óc đã trống rỗng, mờ mịt, người ngồi cạnh phải hích nhẹ hẳn mới bừng tỉnh. Một ông

nghị gật như các báo văn chế giễu các ông nghị bản xứ thời Pháp thuộc. Té ra hẳn được vào Quốc hội là do sự hiểu nhầm từ cả hai phía. Phía lãnh đạo thì nghĩ rằng hẳn đi nhiều, biết nhiều và cũng đọc nhiều ắt hẳn sẽ có nhiều ý kiến mới lạ để đóng góp với nhà nước. Còn hẳn cũng nghĩ do có cơ hội quen biết thêm nhiều nhân vật nổi tiếng của nhiều ngành nghề, lại được tham gia bàn bạc những việc trọng đại của cả nước ắt hẳn sẽ viết được nhiều bài báo rất lý thú như những bài báo đã viết trong năm 1974 chẳng hạn. Suốt một nhiệm kỳ năm năm, đi về bằng máy bay mỗi năm bốn lượt, lại hai tháng họp Quốc hội, nuôi ăn, nuôi ở, lại chiếm một chỗ ngồi ở cơ quan quyền lực tối cao, rút cuộc hẳn chả làm được tích sự gì, nói có một lần lại nói sai, đến một bài báo về đất thép Củ Chi thời đánh Mỹ như hẳn đã hứa với bà con ở đó cũng không có nốt. Hẳn đã ngượng lắm, lại càng ngượng khi một bạn đồng nghiệp làm tạp chí Người đại biểu nhân dân của Quốc hội hỏi hẳn: "Tại sao anh lại ít nói thế nhỉ? Gần hết một khoá Quốc hội mà anh không nói được một câu nào để bọn em nhớ?" Biết nói thế nào nhỉ? Hẳn đã ngồi nhầm chỗ, có thể thôi! Chỗ của hẳn là quán trọ, bến phà, bến xe, sân phơi họp tác xã, lán ở của công nhân nông trường, những khu nhà tập thể của gia đình quân nhân, ở bờ ở bụi, nghe đủ chuyện vui chuyện buồn, chuyện hay chuyện dở của thiên hạ, ngửa miệng thì góp vào một đôi câu, sáng gặp bạn trẻ tối gặp bạn già, lúc thì bàn luận nhân tình thế thái, lúc thì nói láo nói lếu về mọi sự ở đời. Một ngày sống thoả mãn, tràn đầy, càng nói càng thông minh, càng nghĩ càng nảy sinh, lắm điều sâu sắc, chữ nghĩa gọi chữ nghĩa, hình ảnh gọi hình ảnh, dưỡng chất nuôi sống ngòi bút của hẳn trong bấy nhiêu năm chủ yếu là ở môi trường đó, chứ có bao giờ ở trong các cuộc họp! Ở các cuộc họp hẳn chỉ ngáp thôi, vầy vầy bực phếch, đứng xa cũng ngửi thấy mùi tanh, còn thả hẳn vào nước, nước ao, nước rạch, cống rãnh được tuốt, hẳn lại vùng vẫy nhào lộn, vầy vầy sáng loé, môi mép toe toét, tung bọt giỡn sóng, là cá sặc hoá rồng chứ đâu phải là con cá ươn như khi ngồi họp.

Chương 23

Năm 1957, sau khi đăng rải trên tạp chí Văn nghệ Quân đội nhiều tập ghi chép có cái tựa đề chung là Xung đột, tên của hắn bắt đầu được các tiền bối trong nghề lưu ý. Ông thầy của hắn là cụ Nguyễn Tuân nhìn hắn một cách ưu ái rồi bảo: " Xem ra cậu cũng biết nhiều nhi?", cũng có thể hiểu có nhiều chuyện ở một vùng nông thôn theo đạo Thiên Chúa cụ chưa được biết, nhờ đọc hắn mà biết. Lời khen của giáo chủ văn xuôi đâu phải lời nói dài xôi, nói cho có nói. Hắn bắt đầu nhen nhóm lại lòng tin, là rồi ra hắn cũng có thể viết được. Lại một tin vui khác nhưng buộc hắn phải cân nhắc, tính toán, vì trước mắt là được, về lâu dài có khi lại không được. Ấy là cấp trên muốn hắn được theo học khoa lý luận văn học của trường dạy viết văn nổi tiếng Gorki, thời gian cũng dài, khoảng bảy, tám năm gì đó. Cùng đi với hắn có anh Nguyễn Minh Tấn, là cán bộ của Ban Tuyên giáo Trung ương. Hắn muốn đi học xa trong một thời gian dài để tiện nói lời hoãn hôn hoặc thoái hôn với cô gái mà hắn đã để ý, đã thương yêu, đã hứa hẹn. Người yêu của hắn sẽ là một người vợ rất lý tưởng nếu hắn gặp cô sớm hơn năm năm, đất nước vẫn còn chiến tranh, người vợ ở nhà nuôi mẹ, nuôi con, trong trường hợp của hắn còn làm chỗ dựa cho em trai nữa để hắn yên tâm đi kháng chiến. Và lại ở làng quê trong thời kháng chiến thì vợ hắn thuộc loại xinh đẹp, lại thông minh, nói năng cũng duyên dáng, cái duyên dáng thơ ngây, mộc mạc của đồng quê, của cách mạng, của đời sống mới. Còn bây giờ người yêu của hắn lại sống giữa một Hà thành hoa lệ, giữa cả mấy chục người đẹp được tuyển chọn từ nhiều địa phương của cả nước về để múa, để hát, để diễn kịch và làm người giới thiệu. Từ sáng đến tối ở các đoàn nghệ thuật ấy người ta chỉ bàn về các vai diễn, các giọng ca, các điệu múa; về quần áo và phấn son, về cái đẹp và cái duyên của người này người nọ; và cả về những người đàn ông và các mối tình khi vui khi buồn giữa họ. Hết nói chuyện nghệ thuật trong nước lại nói chuyện nghệ thuật từ nhiều nước anh em sang Hà Nội biểu diễn trong mấy năm đầu hoà bình. Trong cái thế giới son phấn, nghệ thuật, trí thức, dầu tất cả mới chỉ là học đòi, làm ra vẻ của đám lính tráng mới tạm buông tay súng để sống trong các thành phố của hoà bình, người yêu của hắn đứng tách riêng hắn một mình, ngây ngô, ngơ ngác như của lạ. Bao nhiêu cái duyên khi còn ở quân khu liền bị tước sạch lúc bước vào Hà Nội, thành người thừa, nói cười thừa, đứng đâu cũng thừa, làm gì cũng thừa, vừa thương tâm vừa khó chịu. Thế là hắn bắt đầu chán, bắt đầu ghét, tránh gặp mặt và rất khổ tâm khi phải đi với nhau ngoài phố, cùng ngồi với nhau ở một quán hàng hoặc cùng đi xem một phim nghe nói là hay hoặc một vở kịch mới công diễn. Bạn gái hắn nghe hắn báo tin sẽ sang Liên Xô học bảy, tám

năm cũng sững sờ nhưng không phản đối, vì đi học là một vinh dự, là đã được cấp trên tin cậy tuyển vào đội ngũ cán bộ trẻ được đào tạo chính quy để mai này đảm nhiệm những trách nhiệm lớn hơn. Một lần khác hẳn lại nói chưa nên tổ chức cưới xin vội, lúc về cả hai mới trong ngoài ba mươi, còn trẻ chán, vả lại thời nay đâu cần nhiều con, chỉ một hai đứa là đủ. Bạn gái hẳn vẫn không nói gì. Đến lần thứ ba lại bàn về việc hoãn tổ chức đám cưới, bạn gái hẳn mới nói, cưới nhau trước khi đi học lại hoá hay, lúc trở về con đã lên bảy lên tám mà người chồng không phải bận bịu gì, không phải mót tay vào tã lót cứt đái mà vẫn được con, con lại đã lớn, đi trẻ đi học cả ngày, nhà ở có chật chội cũng chẳng ảnh hưởng gì đến công việc nếu phải làm việc ở nhà. Ờ hay, cái cô này ngây ngô vậy mà tính toán cũng hay nhỉ! Hẳn vốn là thằng lười, muốn có cả vợ đẹp lẫn con khôn mà không phải tốn công sức nên nghe thấy phải quá. Vả lại bảy, tám năm ở nước ngoài, sống độc thân thì thiếu gì người đẹp ở trong nước sang học đủ các ngành nghề, có mèo mỡ chim chuột nhau cũng chẳng ai để ý, nước người ta văn minh, chuyện trai gái yêu đương là chuyện thường tình, miễn là không để lại dấu vết. Ở nước ngoài trong tuổi thanh xuân lúc về nước đã ngót nghét bốn chục, lao đầu vào sự nghiệp là vừa đẹp, lại đã có một gia đình yên ấm, cùng một lúc được cả việc công lẫn việc tư, còn mong gì hơn, nhưng chẳng lẽ mọi chuyện khó khăn ở nhà lại dồn hết lên vai vợ? Nhưng cái người tình nguyện sẽ là vợ hẳn, đầu hẳn phải đi học xa và dài ngày, nghe những bản khoản của hẳn đã cười rất dễ dãi: "Một mình sinh con nuôi con rồi nuôi cả mẹ chẳng có gì là vất vả với em cả. Như chị em ấy, cũng nuôi con một mình trong suốt tám năm anh ấy đi kháng chiến, lại còn chạy giặc, giặc đốt nhà mấy lần còn làm lại nhà, vay ăn từng bữa mà lúc chồng về vẫn có nhà, có thóc, có cả con, có sao đâu!" Ờ nhỉ, bạn gái hẳn là một cô gái nông thôn quen sống trong vất vả, thiếu thốn, lại có tính hy sinh cho chồng cho con như mẹ, như chị, như những người đàn bà khác trong làng, chứ có như các cô gái ở thành phố đâu, ở nhà cha mẹ nuôi, lấy chồng chồng nuôi, chồng giàu, biến mình thành mèo cảnh, chó cảnh, nũng nịu hờn dỗi, lúc gù lúc gù, vợ phải thằng chồng vừa lười vừa có máu nghệ sĩ thì tan cửa nát nhà ngay. Thế là hẳn quyết định sẽ lấy vợ, và vợ sẽ có mang trước ngày hẳn lên đường ra nước ngoài. Nhưng cũng còn một chút tính toán nữa, hẳn đang viết được, các tập ghi chép có tên là Xung đột đang được bạn trong nghề khen và bạn đọc yêu văn chương đón đợi từng số tạp chí, sau nhiều năm gò gẫm chữ nghĩa ý tứ mà vẫn chẳng đâu vào đâu. Thêm nữa hẳn lại sống trong cái không khí náo nức sáng tác của ngôi nhà số 4 Lý Nam Đế. Hẳn ở một phòng với Ngô Thông, nguyên thư ký báo Quân đội Nhân dân khu 5, cạnh phòng của Phùng Quán, Tạ Hữu Thiện, rồi đến phòng của Minh Giang và Phác Văn, phòng ngoài cũng là của Hữu Mai và Nguyễn Ngọc Tấn. Tấn là người Nam Định nhưng vào Sài Gòn kiếm sống từ năm 13, 14 tuổi. Sau cách mạng tháng Tám, Tấn tòng quân tham gia kháng chiến

ở trong đó suốt 9 năm, viết báo, làm thơ. Nào dè anh lại trở thành một cây bút viết truyện ngắn hết sức đặc sắc, vừa có chất thơ nhưng vẫn trĩu nặng những ý tứ thâm trầm. Vào những năm ấy Hữu Mai có truyện ngắn Mất hết đang gây bàn luận sôi nổi cùng với truyện Đẹp của Xuân Cang. Phùng Quán sau Vượt Côn Đảo có trường ca Võ Thị Sáu. Nguyễn Ngọc vẫn cái mạch sống của Đất nước đứng lên, viết tiếp nhiều truyện ngắn, truyện nào cũng đẹp như một bài thơ bằng văn xuôi. Hồ Phương có Cỏ non, Phù Thăng ở dưới đơn vị gửi lên truyện ngắn Con những người du kích... Có tối đã khuya lắm, dọc đường Phan Đình Phùng chỉ còn nghe có tiếng rao buồn nản kéo dài của hàng phở gánh: "Phở...ở...ở....", thì Tấn đến gõ cửa từng phòng kéo mọi người lại phòng anh để nghe anh đọc một truyện ngắn vừa mới đặt dấu chấm hết cách đó dăm phút. Đó là truyện ngắn Im lặng. Học lý luận có thể dành cả đời, nhưng khoảng thời gian để viết ra văn có khi chỉ dăm năm. Bỏ quên hoặc đánh mất hoặc tiêu phí năm năm trời cho, nghề cho coi như thành người khác, làm nghề khác chứ không thể trở lại tìm kiếm đoạn đường đã lạc. Nó đã là cái hư ảo, cái thoáng chốc mất hút mãi mãi rồi... Thế là lại có một quyết định mới, ở lại, lấy vợ, sinh con và làm nghề theo kinh nghiệm, theo bạn bè, theo cái nghiệp ông trời đã buộc, bỏ ngoài các thứ lý luận, các thứ vinh dự, vui thú khác.

Cái sự tính toán tầm thường, ích kỷ lúc mới vào nghề nào ngờ sẽ là lối sống một đời văn của hãn. Trước hết hãn là một tên ích kỷ không thể cứu chữa, bất kể cái gì không liên quan đến sáng tạo nghệ thuật hãn đều gạt bỏ sang một bên, không nuôi tiếc gì cả. Nhưng để lỡ một cơ hội hiểu thêm một nhân vật, một cảnh ngộ, một tình huống là hãn khắc khoải mãi, vì biết đâu từ những thứ vớ vẩn đó lại chĩa vật lên một cái gì đó rất lạ, rất đẹp thì sao? Hãn đã để lỡ nhiều dịp may lắm, cái cơ hội lớn nhất đã để mất đi mãi mãi là tám năm kháng chiến chống Pháp. Những năm ấy hãn đã trong ngoài hai mươi tuổi rồi, đâu còn trẻ con nữa. Ông Chế Lan Viên năm 16, 17 tuổi đã có tập thơ Điêu tàn gây chấn động trong làng thơ thuở ấy. Ông Nguyễn Hồng cũng khoảng tuổi ấy đã có Bỉ Vỏ được giải thưởng của nhóm Tự lực Văn đoàn. Ông Vũ Trọng Phụng năm ngoài hai mươi tuổi đã viết được cuốn tiểu thuyết hoạt kê Số Đỏ, các nhân vật của ông còn gây cười cho tới tận bây giờ. Nguyễn Ngọc năm 23 tuổi viết tiểu thuyết Đất nước đứng lên, là vốn sống chắt lọc của một nghệ sĩ trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp ở Tây Nguyên. Hãn vào nghề báo từ năm 19 tuổi, làm báo tỉnh, làm báo mặt trận, rồi báo quân khu, sáu năm làm báo trong kháng chiến mà hồn nhiên, thơ ngây như đứa trẻ. Cái sự thơ ngây đáng trách ấy, cái thứ nước lã trong veo ấy đã gột nên hai cuốn sách nhạt như nước ốc, là truyện Xây dựng (cũng được giải khuyến khích của Hội Văn nghệ Việt Nam vì đề tài) và truyện Người con gái quang vinh, viết về nữ liệt sĩ anh hùng Mạc Thị Bưởi. Chả có một tí từng

trải nào, chiêm nghiệm nào trong kháng chiến ẩn hiện trên các trang sách, chữ nghĩa cứ bực phếch, trống hoác như văn của thằng học trò sống trong Thành, nghe chuyện của kháng chiến ngồi viết lại. Giả thử khôn ngoan như bây giờ, ngày ấy cứ ghi chép lại những chuyện tai nghe mắt thấy ở Hà Nội năm 1945, 1946, ở Hưng Yên năm 1947, ở Thái Bình năm 1950, rồi ở các cơ quan lãnh đạo kháng chiến cấp khu những năm 1951, đến 1954, vùng địch hậu nam Nam Định vừa được giải phóng năm 1952, vùng du kích Thanh Liêm và các cơ quan huyện xã của Hà Nam chạy sang Bồng Lạng để chỉ đạo cuộc chiến tranh du kích các xã bên kia sông Đáy. Những năm ấy ngôn ngữ thường dùng ra sao, chuyện vui, chuyện tếu kháng chiến ra sao, những dây phở bất thần mọc lên, bất thần mất đi ở mọi nẻo đường kháng chiến, những thị trấn nổi tiếng một thời Quỳnh Côi, Đống Năm, Cống Thần, Sêu Tiết, Hậu Hiền, Rừng Thông... Có hàng trăm chuyện, hàng ngàn chuyện ghi đậm những dấu vết không bao giờ phai nhòa của một thời. Cái pho sách biết sao chép ấy chắc phải dày cả ngàn trang, chỉ như thế thôi rồi chết hoặc gác bút cũng đủ làm nên một sự nghiệp và những trang sách ấy chắc chắn phải hay hơn những tập ký sự nói chuyện dông dài của các cụ ở những thế kỷ trước. Từ ngày hẳn biết làm nghề, tức là từ năm 30 tuổi (cùng trạc tuổi trong ngoài ba mươi, Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam đã hoàn thành một sự nghiệp bất hủ và đã chết rồi, Nguyễn Tuân đang thời rực rỡ nhất của một đời văn, Nam Cao đã có Chí Phèo và Lão Hạc. Thì họ là những thiên tài, hẳn bì thế nào được!) cho tới bốn chục năm sau hẳn không để phí một giờ nào không động tai, không giương mắt, sống gấp hai gấp ba lần so với những người cùng thời làm các nghề khác để nghe cho rõ, nhìn cho tinh và ngẫm nghĩ về mọi sự mọi việc đang diễn ra quanh hẳn. Nghĩ được điều gì hay là viết liền, được là văn thì tốt, không được là văn thì cũng là tài liệu lưu giữ cho đời sau. Truyện dài mở đầu thời kỳ này hẳn gọi là ghi chép cũng từ cái ý không để mất đi bất cứ cái gì hẳn đã ngẫm nghĩ và ghi nhận được. Có truyện được khen, có truyện bị chê, chê thì chê hẳn đã bắt tay vào viết truyện khác rồi. Năm 1962 hẳn in cuốn tiểu thuyết Một chặng đường, sách ra bị bạn đọc chê dữ quá. Họ đang đón đợi ở tác giả Xung đột và Mùa lạc một cái gì hơn thế, nào ngờ phải đọc những trang văn quá nhạt nhẽo. Hẳn chỉ buồn một chút vì nhân vật Nam của nông trường Điện Biên đã lơ mờ xuất hiện, nghĩ là nó sẽ nhanh chóng qua đi vì thời gian này hẳn đang phải theo học một khoá chính trị cho cán bộ trung cao cấp kéo dài một năm tại Quân Ngựa. Nào ngờ cái anh chàng thợ mộc ấy càng ngày càng hoá ra lăm lờ, thì thảo với hẳn mỗi đêm và cả mỗi ngày, ngay cả giờ lên lớp hẳn ta vẫn tiếp tục trò chuyện. Thế là hẳn viết liền, ngay tại giảng đường, giáo viên thì giảng giải về duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, còn hẳn thì bắt đầu cuộc trò chuyện dài ngày với nhân vật chính có tên là Nam, trong cái truyện vừa Hầy đi xa hơn nữa, truyện in trên tạp chí Văn nghệ Quân đội được bạn đọc khen ngay. Người khen đầu tiên là ông

Phạm Lê Văn tức Thọ Rèn, là người bạn vong niên của hãn từ thời kháng chiến chống Pháp ở khu 3. Ông Thọ Rèn nói: "Mấy ông viết văn trẻ chỉ được một, hai cuốn sách đầu là đáng đọc, còn về sau, đã có nghề hãn hoi thì ngay đến một câu văn viết cũng không thành, sao thế nhỉ?" Rồi ông nắm tay hãn, nhìn hãn rất ưu ái: "Nhưng Hãy đi xa hơn nữa thì được lắm đấy, chính mình cũng mê cái thằng Nam của cậu". Sau khoá học hãn lại ba lô lên đường về Phú Thọ, theo lời mời của người bạn cùng cơ quan, phục viên về xã đã mấy năm, nay là chủ nhiệm một hợp tác xã nông nghiệp tiếng tăm lừng lẫy khắp miền Bắc. Cuối năm 1963, truyện vừa Tâm nhìn xa in liền hai số tạp chí Văn nghệ Quân đội, nhân vật nửa chánh nửa tà Tuy Kiên xuất hiện với bộ mặt ngây ngô ăn người và cái nháy mắt tinh quái của ông ta có sức quyến rũ bạn đọc ngay lập tức hơn nhân vật chính phải có tên là Nam nhiều.

Những năm 60 là những năm mãn nguyện của đời văn nhưng vất vả về đời người. Năm 1961 vợ hãn sinh đứa con trai thứ hai sau thằng anh sinh năm 1958 và một con chị sinh năm 1960. Nhưng con bé nhẹ nghiệp, không phải làm con một thằng văn nghệ sĩ, nên mất ngay sau khi sinh do bị dây nhau quấn quanh cổ. Mặt con bé ra sao hãn không biết, chôn con bé ở đâu cũng không biết vì bệnh viện nhận lo lắng cho tất cả. Hãn có tính lười nên bằng lòng ngay chỉ hơi buồn một tí, vợ chồng hãn còn trẻ muốn để lúc nào chẳng được. Ngay đêm hôm đó vợ vẫn nằm khóc ở khoa sản, hãn đã thân nhiên ngồi viết đoạn kết của truyện Người tổ trưởng máy kéo! Thế là hãn đã phạm tội bất từ, ở đời này có gan dám phạm luật trời thì ông trời sẽ bắt một đời phải chuộc cái lỗi đã phạm. Đứa con trai sau nặng có 2 ký 8, bị hen suyễn từ ba tháng tuổi, hãn phải hầu hạ đứa con bệnh tật đó trên ba mươi năm, theo nó vào bệnh viện khi hãn đã sáu chục tuổi, phải giúp đỡ nó cho tới tận bây giờ khi nó đã bốn mươi tuổi còn hãn đã là ông già ngoài bảy chục. Chưa hết, mười hai năm sau vợ chồng hãn còn phải chôn đứa con trai đầu khoẻ mạnh, tháo vát, học giỏi khi nó vừa tròn 15 tuổi. Hãn giẫy giụa than khóc mất mười năm, vợ hãn ứa sữa non, đá ra máu, thành người ngớ ngẩn mất vài năm. Năm đó hãn đã 43 tuổi, so với cái khổ bị hắt hủi lúc còn niên thiếu thì cái khổ mất con vào tuổi trung niên còn đau đớn hơn cả trăm lần. Từ đó hãn bắt đầu biết sợ luật quả báo, luật bù trừ của ông trời, rất hãi cái ngông nghênh của sự được thời, cái lấn sân lấn phần của kẻ hãnh tiến, chỉ xin nhận phần thiếu chứ không dám tranh phần dôi, thích đứng phía sau hơn chen ngồi phía trước, thích nhường nhịn, thích rút lui, vì tin rằng cái hụt cái thiếu của mình sẽ được bù lại cho con cho cháu.

Trong những năm 60 hãn có hai chuyến đi rất thú vị. Một chuyến ra biển vào giữa năm 1965 sống với một đơn vị đang chiến đấu trên đảo Cồn Cỏ trong những tháng đầu của cuộc chiến tranh phá hoại. Và một chuyến đi vào cuối năm 1967 đến một đại đội công binh phụ trách một tuyến đường chiến lược trên nước

bạn Lào. Chuyển ra đảo Cồn Cỏ lúc ở Hà Nội thì nghĩ sẽ được đi bằng tàu ngầm từ quân cảng Vinh, nghe đồn thế chứ chẳng ai nói rõ với hẳn là đi bằng phương tiện nào. Tới bờ biển xã Vĩnh Kim hẳn mới được biết là bọn hẳn sẽ đi bằng thuyền theo những chuyến tiếp tế hàng tuần ra đảo. Người không biết bơi lại ra đảo bằng thuyền, chuyển đi nào cũng có thuyền đấm, hàng chìm và thủy thủ bơi như cá trên biển, nghe kể lại cũng đủ sợ. Sợ thì sợ nhưng vẫn cứ phải đi, chả ai ép cả nhưng cái nghề viết nó ép, cả nước vào cuộc chiến, người viết văn không có mặt ở nơi đầu sóng ngọn gió thì biết viết gì về đồng đội, về nhân dân đang dốc toàn lực cho cuộc chiến đó. Chuyển đi sang Lào cũng mất đúng bảy đêm, ngồi trên xe tải của anh em hậu cần công binh, đêm xe chạy, ngày lại lùi xe vào các cánh rừng nấu ăn và ngủ. Chiều khoảng 4, 5 giờ lại đưa xe ra đường 7 nhằm những dãy núi phía Tây lao tới. Xe chạy qua những đồng cỏ rồi lại leo dần lên các mép núi, leo cao mãi, một bên là vực, một bên dốc núi thẳng đứng, xe chạy bằng đèn gầm, nhiều đoạn xe chạy như leo dây, người hàng nếu không chẳng buộc kỹ là tuột hết xuống vực. Trước mặt là sương mù, vén một mảnh bạt ở thùng xe nhìn ra phía mép vực mây đùn lên từng mảng nhạt nhòa, nhể nhạt ánh trắng, mây phủ kín thân xe, trườn vào lòng xe, nhìn người đối diện bên kia các thùng hàng cũng không rõ mặt. Mấy đêm đầu còn sợ, mấy đêm sau quen dần rồi hết cả sợ. Đã đi chiến trường, dầu là một chiến trường ít bom đạn, hiền lành cũng có thể hy sinh lắm, có lắm thứ tai nạn chết người chứ chả phải cứ giáp mặt với kẻ thù hoặc bom vường đạn lạc. Nên mỗi lần khoác ba lô lên đường coi như một chuyến đi vĩnh biệt, về được thì tốt, không về được cũng chẳng có gì bất ngờ, mình biết thế, vợ con cũng biết thế. Cái năm ra Cồn Cỏ ở ngoài đó một tháng rồi trở về đất liền, đêm đầu tiên nằm lại ở xã Vĩnh Kim, bao quanh lại vẫn là những tiếng động quen thuộc của một vùng dân cư ở đất liền mới cảm thấy hết cái sung sướng, cái khoan khoái của sự được trở về với cuộc sống bình thường, dầu vẫn là cuộc sống trong chiến tranh nhưng xung quanh đã là dân, là những nẻo đường, đi bộ, đi xe, đi mãi mãi cũng chưa thể tới chỗ tận cùng, cuộc sống là mông mênh, những cơ hội để sống cũng mông mênh, nghĩ lan man một lúc rồi ngủ thiếp tới gần trưa, tiếng máy bay đã vang động từng tốp trên bầu trời, rồi lại nghe những tiếng nổ nhưng xa lắm, mờ nhạt lắm, như đã không còn chiến tranh nữa. Nằm lại một ngày rồi nằm lại đến gần một tuần cho gân xương cốt mới lên xe đứng đỉnh chạy về Hà Nội. Năm ngày sau khi qua thị xã Ninh Bình, qua Gián Khuyết, qua Phủ Lý, cứ bồi hồi như đã xa cách các địa danh này từ lâu lắm. Trời lại mưa to, từ Thường Tín về Hà Nội trời đã ngớt mưa nhưng mặt đường vẫn ngập nước lấp loáng ánh điện. Xe đỗ ở nhà số 4 Lý Nam Đế vào khoảng nửa đêm. Phòng làm việc của anh Thanh Tịnh vẫn còn sáng đèn, hẳn đứng ở ngoài cổng sắt gọi với lên: "Anh Thanh Tịnh, em đã về đây!" Tiếng gọi sung sướng trong đêm vắng vang lên suốt một đoạn đường. Anh Thanh Tịnh mở cửa chớp

ngó đầu nhìn xuống: "K. phải không? K. về rồi đấy à?" Giọng anh lạ lắm, như chưa tin hẳn hẳn đã về, đã lên tiếng gọi ở dưới đường kia! Rồi anh nói ngay: "Hai mẹ con cô ấy mới từ chỗ sơ tán về lúc chiều". Thế là hẳn xúc lại ba lô đi bộ về nhà hẳn ở mép sông Hồng, cách tạp chí chưa đầy một cây số. Trời lại mưa nhỏ, từ mặt đê vào khu tập thể K.95 phải qua một quãng đường đất lầy lội, hẳn tụt đôi dép lộp cồm tay, bấm ngón chân lên mặt đường trơn, bước rất nhanh gần như chạy, một bên là hồ, một bên là bãi trồng mía, gió thổi hun hút, lá mía đập vào nhau rào rào, trong lòng hẳn chưa bao giờ rạo rức như thế, nhiệm vụ với tạp chí đã hoàn thành, tài liệu để viết trong một chuyến đi vào những ngày đầu của chiến tranh xem ra phải viết được vài trăm trang, lại vẫn còn sống, lại vẫn được về với vợ với con. Cả hầy nhà tối đen, im lặng trong giấc ngủ, hẳn ra vòi nước rửa chân, vắn nước rất nhỏ, cọ chân rất khẽ, rồi bước lên hè nhà, kéo rộng cánh cửa sổ hé mở, vợ con hẳn đang ngủ trong nhà, hẳn khẽ gọi, gọi tới lần thứ hai hơi lớn tiếng, thế là vợ hẳn vùng dậy nói từ trong màn: "Anh vẫn còn sống về với vợ con đấy à?" Vợ hẳn bật đèn nhìn hẳn chăm chăm, có vẻ như còn ngờ con người thật của chồng đang đứng trước mặt, có thể là một giấc mơ, cũng có thể là hồn ma, chết trẻ là thiêng lắm. Chẳng con trai thứ hai cũng từ trong giường nhảy ra ôm chặt lấy một bên chân: "Bố về rồi à?" Thì ra theo lời vợ hẳn kể, từ một tháng nay cả cơ quan đều biết tin chuyến thuyền ra đảo tám chiếc đã bị bão và tàu địch đánh bật ra biển Đông, thủy thủ và khách ra đảo chết trên tám chục người, chỉ còn có dăm người sống sót (thật ra là chuyến trở lại đất liền vào đêm sau của tám cái thuyền đã đưa bọn hẳn ra đảo). Tin nói nhỏ nhưng chắc chắn lắm, chỉ còn đợi thông báo chính thức sẽ làm lễ truy điệu. Vợ hẳn nói mẹ và thằng con lớn đang ở trại trẻ chưa được biết nhưng bà cụ đã ngờ rồi vì những cái nhìn không thẳng thắn của các bà cụ khác cũng theo cháu đi sơ tán và những lời hỏi thăm nhiều ý tứ của bố mẹ những đứa trẻ tới trại thăm nuôi con mỗi tuần. Và bà đã khóc với con dâu. Nếu hẳn chết thật thì vợ hẳn nuôi nổi làm sao hai đứa con, rồi nó cũng còn trẻ chả lẽ ở vậy nuôi con tới già, thời xưa là thế, nhưng thời bây giờ đàn bà goá sống với đàn ông con trai trong một cơ quan, nói đùa nói tục từ sáng tới tối, giữ được thân còn khó hơn đi trên chông nhọn. Trong một gia đình mất một người đàn ông là mất tất cả. Con dâu đi lấy chồng, con cái về với bà nội, một nồi cơm trộn với mì sợi, một đĩa rau muống luộc và bát nước chấm là nước rau đánh cà chua pha muối, mắt hẳn đã từng được chứng kiến, nên sự trở về của hẳn gần như một phép lạ, trong một thoáng tất cả lại trở về cái trật tự bình yên như trước đây. Đêm ấy hẳn lại nghĩ những người bạn trong cơ quan lên đường vào chiến trường B2 từ năm 1962, thấm thoát đã ba năm. Trường hợp của Nguyễn Ngọc Tấn gần như là một biểu tượng của sự chia ly thời chiến. Năm 1955, Tấn tập kết ra Bắc vẫn để lại một người vợ ở Sài Gòn hoạt động nội thành và một đứa con gái do ông bà ngoại nuôi. Bảy năm sau Tấn lại trở vào Nam, để